THCS Nguyễn Thiện Thuật
Năm học 2022 - 2023
Học kỳ 1

THỜI KHOÁ BIỂU

Số 5

Thực hiện từ ngày 05 tháng 12 năm 2022

THỨ	TIẾT	6.1 (Sương(Đ))		6.2 (Thúy(A))		6.3 (Thủy(Đ))		6.4 (Hạnh(C))		6.5 (Linh)	
		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
2	1		Toán - Quyết		NNgữ - Thúy(A)		Toán - Hà		Toán - Oanh(T)		Văn - Hạnh(C)
	2		Toán - Quyết		GDCD - Oanh(T)		NNgữ - Thúy(A)		KHTN - Linh		Văn - Hạnh(C)
	3		NT 1 - Ánh		LS&ĐL - Sương(Đ)		NNgữ - Thúy(A)		KHTN - Linh		Toán - Oanh(T)
	4		Văn - Ngân		Toán - Quyết		LS&ĐL - Thủy(Đ)		Văn - Hạnh(C)		NT 1 - Ánh
	5		ChCờ - Sương(Đ)		ChCờ - Thúy(A)		ChCờ - Thủy(Đ)		ChCờ - Hạnh(C)		ChCờ - Linh
3	1		CNghệ - Luyến		Văn - Nga		GDCD - Oanh(T)		KHTN - Linh		NT 2 - AnhMT
	2		LS&ĐL - Sương(Đ)		Văn - Nga		KHTN - Linh		Toán - Oanh(T)		LS&ĐL - Ái Nữ
	3		GDCD - Oanh(T)		KHTN - VânH		KHTN - Linh		GDCD - Ngân		LS&ĐL - Ái Nữ
	4		KHTN - VânH		CNghệ - Luyến		Văn - Nga		NNgữ - Ly		KHTN - Linh
	5		KHTN - VânH		NT 1 - Ánh		Văn - Nga		NNgữ - Ly		Toán - Oanh(T)
4	1		Tin học - Huyền		LS&ĐL - Sương(Đ)		LS&ĐL - Thủy(Đ)		KHTN - Linh		Văn - Hạnh(C)
	2		LS&ĐL - Sương(Đ)		KHTN - VânH		Toán - Hà		LS&ĐL - Thủy(Đ)		Văn - Hạnh(C)
	3		Toán - Quyết		KHTN - VânH		Toán - Hà		LS&ĐL - Thủy(Đ)		KHTN - Linh
	4		Văn - Ngân		Tin học - Huyền		KHTN - Linh		Văn - Hạnh(C)		NNgữ - Ly
	5		KHTN - VânH		Toán - Quyết		NT 1 - Ánh		Văn - Hạnh(C)		NNgữ - Ly
5	1		Toán - Quyết		LS&ĐL - Sương(Đ)		Tin học - Huyền		NT 2 - AnhMT		CNghệ - Linh
	2		LS&ĐL - Sương(Đ)		Toán - Quyết		CNghệ - Luyến		NT 1 - Ánh		LS&ĐL - Ái Nữ
	3		NNgữ - Thúy(A)		Toán - Quyết		NT 2 - AnhMT		NNgữ - Ly		Tin học - Huyền
	4		Văn - Ngân		NNgữ - Thúy(A)		Văn - Nga		Tin học - Huyền		GDCD - QuyênV
	5		Văn - Ngân		Văn - Nga		NNgữ - Thúy(A)		CNghệ - Luyến		NNgữ - Ly
6	1		NNgữ - Thúy(A)		KHTN - VânH		Văn - Nga		Toán - Oanh(T)		KHTN - Linh
	2		NNgữ - Thúy(A)		Văn - Nga		Toán - Hà		Toán - Oanh(T)		KHTN - Linh
	3		KHTN - VânH		NT 2 - AnhMT		KHTN - Linh		LS&ĐL - Thủy(Đ)		Toán - Oanh(T)
	4		NT 2 - AnhMT		NNgữ - Thúy(A)		LS&ĐL - Thủy(Đ)		Văn - Hạnh(C)		Toán - Oanh(T)
	5		SHL - Sương(Đ)		SHL - Thúy(A)		SHL - Thủy(Đ)		SHL - Hạnh(C)		SHL - Linh
7	1										
	2										
	3										
	4										
	5										

THCS Nguyễn Thiện Thuật
Năm học 2022 - 2023
Học kỳ 1

THỜI KHOÁ BIỂU

Số 5

Thực hiện từ ngày 05 tháng 12 năm 2022

THỨ	TIẾT	6.6 (Thủy(A))		6.7 (Liên (Đ))		6.8 (Luận)		6.9 (Liên)		6.10 (Hà)	
		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
2	1		KHTN - Uyên(H)		KHTN - Liên		Văn - Oanh		NNgữ - Nguyệt		LS&ĐL - Trinh
	2		KHTN - Uyên(H)		Tin học - Huyền		NNgữ - Nguyệt		LS&ĐL - Trinh		Toán - Hà
	3		Tin học - Huyền		Văn - Oanh		LS&ĐL - Liên (Đ)		KHTN - Liên		Toán - Hà
	4		NT 2 - AnhMT		NNgữ - Thủy(A)		KHTN - Liên		Toán - Luận		NNgữ - Nguyệt
	5		ChCờ - Thủy(A)		ChCờ - Liên (Đ)		ChCờ - Luận		ChCờ - Liên		ChCờ - Hà
3	1		Văn - Oanh		Toán - Trang (T)		CNghệ - Hằng		KHTN - Liên		NNgữ - Nguyệt
	2		Toán - Trang (T)		NNgữ - Thủy(A)		Văn - Oanh		NNgữ - Nguyệt		KHTN - Sương
	3		Toán - Trang (T)		Văn - Oanh		KHTN - Liên		Toán - Luận		Tin học - Tuyền
	4		NNgữ - Thủy(A)		KHTN - Liên		NT 2 - AnhMT		CNghệ - Hằng		NT 1 - Ánh
	5		LS&ĐL - Ái Nữ		LS&ĐL - Liên (Đ)		GDCD - Ngân		Văn - Oanh		GDCD - Phượng
4	1		Toán - Trang (T)		NT 2 - AnhMT		Văn - Oanh		NT 1 - Ánh		Văn - Hạnh
	2		Văn - Oanh		LS&ĐL - Liên (Đ)		NT 1 - Ánh		NT 2 - AnhMT		Văn - Hạnh
	3		Văn - Oanh		Toán - Trang (T)		NNgữ - Nguyệt		Tin học - Huyền		NT 2 - AnhMT
	4		KHTN - Uyên(H)		NT 1 - Ánh		NNgữ - Nguyệt		Toán - Luận		LS&ĐL - Trinh
	5		KHTN - Uyên(H)		GDCD - Ngân		Toán - Luận		LS&ĐL - Trinh		KHTN - Sương
5	1		Toán - Trang (T)		LS&ĐL - Liên (Đ)		Văn - Oanh		LS&ĐL - Trinh		KHTN - Sương
	2		CNghệ - Linh		KHTN - Liên		Toán - Luận		Văn - Oanh		KHTN - Sương
	3		GDCD - QuyênV		CNghệ - Linh		KHTN - Liên		Toán - Luận		LS&ĐL - Trinh
	4		LS&ĐL - Ái Nữ		Văn - Oanh		LS&ĐL - Liên (Đ)		NNgữ - Nguyệt		CNghệ - Hằng
	5		LS&ĐL - Ái Nữ		Toán - Trang (T)		Tin học - Huyền		KHTN - Liên		NNgữ - Nguyệt
6	1		NNgữ - Thủy(A)		Toán - Trang (T)		KHTN - Liên		Văn - Oanh		Văn - Hạnh
	2		NNgữ - Thủy(A)		KHTN - Liên		Toán - Luận		Văn - Oanh		Văn - Hạnh
	3		NT 1 - Ánh		Văn - Oanh		Toán - Luận		GDCD - Phượng		Toán - Hà
	4		Văn - Oanh		NNgữ - Thủy(A)		LS&ĐL - Liên (Đ)		KHTN - Liên		Toán - Hà
	5		SHL - Thủy(A)		SHL - Liên (Đ)		SHL - Luận		SHL - Liên		SHL - Hà
7	1										
	2										
	3										
	4										
	5										

THCS Nguyễn Thiện Thuật
Năm học 2022 - 2023
Học kỳ 1

THỜI KHOÁ BIỂU

Số 5

Thực hiện từ ngày 05 tháng 12 năm 2022

THỨ	TIẾT	6.11 (Hằng)		6.12 (Sương)		6.13 (Thắm(Đ))		6.14 (Tam)		7.1 (Thủy)	
		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
2	1		Văn - Ngân		Toán - Trang (T)		KHTN - Hằng		Văn - Tam		NT 1 - Nữ
	2		NT 2 - AnhMT		GDCD - Ngân		NT 1 - Ánh		Văn - Tam		KHTN - Ngoan
	3		Toán - Trang (T)		Văn - Tam		NT 2 - AnhMT		KHTN - Uyên(H)		LS&ĐL1 - Yến
	4		KHTN - Hằng		KHTN - Sương		LS&ĐL - Thắm(Đ)		KHTN - Uyên(H)		Văn - Thủy
	5		ChCờ - Hằng		ChCờ - Sương		ChCờ - Thắm(Đ)		ChCờ - Tam		ChCờ - Thủy
3	1		NNgữ - Giang		KHTN - Sương		NNgữ - Thảo		Toán - Minh		LS&ĐL2 - Sương(Đ)
	2		NT 1 - Ánh		NNgữ - Giang		NNgữ - Thảo		Toán - Minh		GDCD - Tình
	3		KHTN - Hằng		NNgữ - Giang		Toán - Phượng		NNgữ - Thảo		KHTN - Ngoan
	4		GDCD - Phượng		LS&ĐL - Thắm		Tin học - Tuyền		NNgữ - Thảo		KHTN - Ngoan
	5		LS&ĐL - Thắm		NT 2 - AnhMT		KHTN - Hằng		Tin học - Tuyền		Toán - Hùng
4	1		LS&ĐL - Thắm		Văn - Tam		CNghệ - Hằng		KHTN - Uyên(H)		NNgữ - Nguyệt
	2		Toán - Trang (T)		Văn - Tam		KHTN - Hằng		KHTN - Uyên(H)		Toán - Hùng
	3		Văn - Ngân		LS&ĐL - Thắm		Văn - Tam		LS&ĐL - Liên (Đ)		KHTN - Ngoan
	4		KHTN - Hằng		KHTN - Sương		Văn - Tam		GDCD - QuyênV		Văn - Thủy
	5		CNghệ - Hằng		Toán - Trang (T)		GDCD - QuyênV		NT 2 - AnhMT		Văn - Thủy
5	1		Văn - Ngân		NT 1 - Ánh		Toán - Phượng		Văn - Tam		Toán - Hùng
	2		Văn - Ngân		Toán - Trang (T)		Toán - Phượng		LS&ĐL - Liên (Đ)		Tin học - VânTin
	3		NNgữ - Giang		Toán - Trang (T)		Văn - Tam		Toán - Minh		NNgữ - Nguyệt
	4		NNgữ - Giang		LS&ĐL - Thắm		NNgữ - Thảo		Toán - Minh		LS&ĐL2 - Sương(Đ)
	5		LS&ĐL - Thắm		NNgữ - Giang		KHTN - Hằng		NNgữ - Thảo		NT 2 - AnhMT
6	1		KHTN - Hằng		Tin học - Tuyền		Văn - Tam		NT 1 - Ánh		Toán - Hùng
	2		Tin học - Tuyền		Văn - Tam		Toán - Phượng		LS&ĐL - Liên (Đ)		CNghệ - Huế
	3		Toán - Trang (T)		CNghệ - Hằng		LS&ĐL - Thắm(Đ)		Văn - Tam		NNgữ - Nguyệt
	4		Toán - Trang (T)		KHTN - Sương		LS&ĐL - Thắm(Đ)		CNghệ - Hằng		Văn - Thủy
	5		SHL - Hằng		SHL - Sương		SHL - Thắm(Đ)		SHL - Tam		SHL - Thủy
7	1										
	2										
	3										
	4										
	5										

THCS Nguyễn Thiện Thuật
Năm học 2022 - 2023
Học kỳ 1

THỜI KHOÁ BIỂU

Số 5

Thực hiện từ ngày 05 tháng 12 năm 2022

THỨ	TIẾT	7.2 (Ngoan)		7.3 (Uyên(Q))		7.4 (Huế)		7.5 (Thi)		7.6 (Anh (V))	
		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
2	1		Văn - Thủy		LS&ĐL2 - Sương(Đ)		Toán - Hùng		NT 2 - AnhMT		KHTN - Huế
	2		LS&ĐL1 - Yến		NT 1 - Nữ		Văn - Thủy		Toán - Hùng		KHTN - Huế
	3		Toán - Hùng		NNgữ - Nguyệt		KHTN - Huế		LS&ĐL1 - Thi		Toán - Luận
	4		KHTN - Ngoan		KHTN - Uyên(Q)		LS&ĐL2 - Sương(Đ)		KHTN - Huế		LS&ĐL2 - Liên (Đ)
	5		ChCờ - Ngoan		ChCờ - Uyên(Q)		ChCờ - Huế		ChCờ - Thi		ChCờ - Anh (V)
3	1		Toán - Hùng		Văn - Thủy		GDCD - Tình		NNgữ - Quyên		KHTN - Huế
	2		Văn - Thủy		NT 2 - AnhMT		NNgữ - Quyên		Toán - Hùng		Toán - Luận
	3		NT 2 - AnhMT		NNgữ - Nguyệt		Toán - Hùng		KHTN - Huế		GDCD - Tình
	4		LS&ĐL2 - Sương(Đ)		Toán - Hùng		Văn - Thủy		KHTN - Huế		NNgữ - My AV
	5		KHTN - Ngoan		GDCD - Tình		Văn - Thủy		LS&ĐL2 - Sương(Đ)		Văn - Anh (V)
4	1		Văn - Thủy		CNghệ - Huế		Toán - Hùng		Văn - Anh (V)		CNghệ - Ngoan
	2		NNgữ - Nguyệt		Văn - Thủy		CNghệ - Huế		Văn - Anh (V)		Tin học - VânTin
	3		LS&ĐL2 - Sương(Đ)		Tin học - VânTin		NNgữ - Quyên		NT 1 - Nữ		NNgữ - My AV
	4		KHTN - Ngoan		Toán - Hùng		KHTN - Huế		NNgữ - Quyên		Văn - Anh (V)
	5		KHTN - Ngoan		LS&ĐL2 - Sương(Đ)		NT 1 - Nữ		Toán - Hùng		Văn - Anh (V)
5	1		CNghệ - Ngoan		KHTN - Uyên(Q)		KHTN - Huế		Tin học - VânTin		NNgữ - My AV
	2		NNgữ - Nguyệt		KHTN - Uyên(Q)		KHTN - Huế		Toán - Hùng		LS&ĐL1 - Thi
	3		Văn - Thủy		Toán - Hùng		Tin học - VânTin		CNghệ - Ngoan		Văn - Anh (V)
	4		Tin học - VânTin		LS&ĐL1 - Yến		NT 2 - AnhMT		NNgữ - Quyên		Toán - Luận
	5		Toán - Hùng		Văn - Thủy		NNgữ - Quyên		LS&ĐL2 - Sương(Đ)		NT 2 - Quốc
6	1		GDCD - Tình		NNgữ - Nguyệt		Văn - Thủy		KHTN - Huế		Toán - Luận
	2		NNgữ - Nguyệt		Văn - Thủy		Toán - Hùng		GDCD - Tình		NT 1 - Nữ
	3		NT 1 - Nữ		Toán - Hùng		LS&ĐL2 - Sương(Đ)		Văn - Anh (V)		LS&ĐL2 - Liên (Đ)
	4		Toán - Hùng		KHTN - Uyên(Q)		LS&ĐL1 - Thi		Văn - Anh (V)		KHTN - Huế
	5		SHL - Ngoan		SHL - Uyên(Q)		SHL - Huế		SHL - Thi		SHL - Anh (V)
7	1										
	2										
	3										
	4										
	5										

THCS Nguyễn Thiện Thuật
Năm học 2022 - 2023
Học kỳ 1

THỜI KHOÁ BIỂU

Số 5

Thực hiện từ ngày 05 tháng 12 năm 2022

THỨ	TIẾT	7.7 (Xuyên)		7.8 (Luyến)		7.9 (Hướng)		8.1 (Oanh(T))		8.2 (Trang)	
		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
2	1		Toán - Luận		LS&ĐL2 - Liên (Đ)		Tin học - Huyền	ChCờ - Oanh(T)		ChCờ - Trang	
	2		LS&ĐL1 - Thi		Văn - Hòa		KHTN - Uyên(Q)	Toán - Oanh(T)		Sinh - Trang	
	3		KHTN - Luyến		Văn - Hòa		KHTN - Uyên(Q)	Lí - Tuyến		Toán - Quyết	
	4		Văn - Anh (V)		Tin học - Huyền		NNgữ - Hướng	NNgữ - Thủy(A)		Toán - Quyết	
	5		ChCờ - Xuyên		ChCờ - Luyến		ChCờ - Hướng	NNgữ - Thủy(A)		CNghệ - Tuyết	
3	1		Toán - Luận		NNgữ - Hướng		CNghệ - Ngoan	Toán - Oanh(T)		Toán - Quyết	
	2		Văn - Anh (V)		LS&ĐL2 - Liên (Đ)		NNgữ - Hướng	Toán - Oanh(T)		Hóa - Dung	
	3		Văn - Anh (V)		KHTN - Luyến		Toán - My	Hóa - Dung		Sinh - Trang	
	4		LS&ĐL2 - Liên (Đ)		Toán - My		Văn - Bích	TC Tin - VânTin		NNgữ - Thủy(A)	
	5		NNgữ - My AV		Toán - My		Văn - Bích	TC Tin - VânTin		NNgữ - Thủy(A)	
4	1		Tin học - VânTin		Toán - My		GDCD - Xuyên	Sinh - Trang		Toán - Quyết	
	2		Toán - Luận		KHTN - Luyến		Toán - My	Văn - Nga		Nhạc - Nữ	
	3		KHTN - Luyến		GDCD - Xuyên		Toán - My	Nhạc - Nữ		GDCD - Ngọc	
	4		LS&ĐL2 - Liên (Đ)		NT 1 - Nữ		NT 2 - Quốc	CNghệ - Tuyết		Văn - Nga	
	5		NNgữ - My AV		NT 2 - Quốc		LS&ĐL2 - Liên (Đ)	NNgữ - Thủy(A)		Văn - Nga	
5	1		Toán - Luận		LS&ĐL1 - Thi		Văn - Bích	Sử - Vũ		Hóa - Dung	
	2		NNgữ - My AV		CNghệ - Ngoan		Văn - Bích	MT - Quốc		Sử - Vũ	
	3		KHTN - Luyến		Văn - Hòa		LS&ĐL1 - Yến	Văn - Nga		MT - Quốc	
	4		NT 2 - Quốc		Văn - Hòa		Toán - My	Địa - Thắm(Đ)		Lí - Tuyến	
	5		Văn - Anh (V)		Toán - My		LS&ĐL2 - Liên (Đ)	GDCD - Ngọc		Văn - Nga	
6	1		NT 1 - Nữ		NNgữ - Hướng		KHTN - Uyên(Q)	CNghệ - Tuyết		Địa - Thắm(Đ)	
	2		KHTN - Luyến		NNgữ - Hướng		KHTN - Uyên(Q)	Sinh - Trang		Sử - Vũ	
	3		CNghệ - Ngoan		KHTN - Luyến		NNgữ - Hướng	Sử - Vũ		TC Tin - VânTin	
	4		GDCD - Xuyên		KHTN - Luyến		NT 1 - Nữ	Toán - Oanh(T)		TC Tin - VânTin	
	5		SHL - Xuyên		SHL - Luyến		SHL - Hướng	SHL - Oanh(T)		SHL - Trang	
7	1							Hóa - Dung		Văn - Nga	
	2							Văn - Nga		CNghệ - Tuyết	
	3							Văn - Nga		NNgữ - Thủy(A)	
	4										
	5										

THCS Nguyễn Thiện Thuật
Năm học 2022 - 2023
Học kỳ 1

THỜI KHOÁ BIỂU

Số 5

Thực hiện từ ngày 05 tháng 12 năm 2022

THỨ	TIẾT	8.3 (Phượng)		8.4 (Tuyến)		8.5 (Giang (L))		8.6 (Uyên(H))		8.7 (Thúy(S))	
		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
2	1	ChCờ - Phượng		ChCờ - Tuyến		ChCờ - Giang (L)		ChCờ - Uyên(H)		ChCờ - Thúy(S)	
	2	Sử - Trinh		Hóa - Uyên(H)		Văn - QuyênV		Sinh - Ly(CN)		Sinh - Thúy(S)	
	3	Toán - Phượng		Sử - Trinh		Văn - QuyênV		Toán - Hiếu		CNghệ - Tuyết	
	4	CNghệ - Tuyết		Văn - Hồng		TC Tin - Tuyền		NNgữ - Ly		Toán - Phượng	
	5	Hóa - Dung		Toán - Vân		TC Tin - Tuyền		Sử - Ái Nữ		Toán - Phượng	
3	1	Văn - QuyênV		Nhạc - Nữ		CNghệ - Tuyết		Toán - Hiếu		Văn - Ngân	
	2	TC Tin - VânTin		CNghệ - Tuyết		Sinh - Ly(CN)		Nhạc - Nữ		Lí - Giang (L)	
	3	TC Tin - VânTin		Toán - Vân		MT - Quốc		GDCD - Ngọc		NNgữ - Ly	
	4	Hóa - Dung		Toán - Vân		Hóa - Uyên(H)		Văn - Anh (V)		Sử - Ái Nữ	
	5	MT - Quốc		Hóa - Uyên(H)		Toán - Huy		Văn - Anh (V)		Sinh - Thúy(S)	
4	1	GDCD - Ngọc		Địa - Thắm(Đ)		Nhạc - Nữ		TC Tin - Tuyền		Văn - Ngân	
	2	Văn - QuyênV		Sinh - Thúy(S)		Sử - Trinh		TC Tin - Tuyền		Văn - Ngân	
	3	Văn - QuyênV		Sử - Trinh		NNgữ - Hướng		MT - Quốc		Địa - Thắm(Đ)	
	4	NNgữ - Thủy(A)		NNgữ - Hướng		Văn - QuyênV		NNgữ - Ly		MT - Quốc	
	5	Sinh - Trang		NNgữ - Hướng		GDCD - Ngọc		CNghệ - Tuyết		NNgữ - Ly	
5	1	Toán - Phượng		Sinh - Thúy(S)		Văn - QuyênV		Văn - Anh (V)		GDCD - Ngọc	
	2	Địa - Thắm(Đ)		GDCD - Ngọc		CNghệ - Tuyết		Văn - Anh (V)		Toán - Phượng	
	3	Nhạc - Nữ		Văn - Hồng		Toán - Huy		Sinh - Ly(CN)		Hóa - Uyên(H)	
	4	Văn - QuyênV		Văn - Hồng		Toán - Huy		Hóa - Uyên(H)		Nhạc - Nữ	
	5	Lí - Giang (L)		Toán - Vân		Hóa - Uyên(H)		Địa - Thắm(Đ)		CNghệ - Tuyết	
6	1	Toán - Phượng		TC Tin - VânTin		Toán - Huy		NNgữ - Ly		Văn - Ngân	
	2	Toán - Phượng		TC Tin - VânTin		Địa - Thắm(Đ)		CNghệ - Tuyết		Hóa - Uyên(H)	
	3	Sinh - Trang		CNghệ - Tuyết		Sử - Trinh		Hóa - Uyên(H)		NNgữ - Ly	
	4	Sử - Trinh		Lí - Tuyến		Sinh - Ly(CN)		Toán - Hiếu		Toán - Phượng	
	5	SHL - Phượng		SHL - Tuyến		SHL - Giang (L)		SHL - Uyên(H)		SHL - Thúy(S)	
7	1	NNgữ - Thủy(A)		NNgữ - Hướng		Lí - Giang (L)		Sử - Ái Nữ		TC Tin - Tuyền	
	2	NNgữ - Thủy(A)		MT - Quốc		NNgữ - Hướng		Lí - Giang (L)		TC Tin - Tuyền	
	3	CNghệ - Tuyết		Văn - Hồng		NNgữ - Hướng		Toán - Hiếu		Sử - Ái Nữ	
	4										
	5										

THCS Nguyễn Thiện Thuật
Năm học 2022 - 2023
Học kỳ 1

THỜI KHOÁ BIỂU

Số 5

Thực hiện từ ngày 05 tháng 12 năm 2022

THỨ	TIẾT	8.8 (Trinh)		8.9 (My)		8.10 (Trâm)		8.11 (Ly(CN))		8.12 (Quyết)	
		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
2	1	ChCờ - Trinh		ChCờ - My		ChCờ - Trâm		ChCờ - Ly(CN)		ChCờ - Quyết	
	2	Lí - Giang (L)		TC Tin - Tuyền		Sử - Ái Nữ		NNgữ - My AV		CNghệ - Mến	
	3	Toán - My		TC Tin - Tuyền		Văn - Trâm		Sử - Ái Nữ		Hóa - Dung	
	4	Sử - Trinh		Toán - My		Hóa - Dung		CNghệ - Mến		NNgữ - My AV	
	5	NNgữ - Ly		Toán - My		Toán - Mến		Văn - QuyênV		NNgữ - My AV	
3	1	Hóa - Dung		NNgữ - Ly		Sinh - Ly(CN)		TC Tin - Huyền		CNghệ - Mến	
	2	Văn - Ngân		Văn - Hạnh(C)		Toán - Mến		TC Tin - Huyền		Văn - QuyênV	
	3	Toán - My		Văn - Hạnh(C)		Nhạc - Nữ		Toán - Mến		TC Tin - Huyền	
	4	NNgữ - Ly		Toán - My		Văn - Trâm		MT - Quốc		TC Tin - Huyền	
	5	CNghệ - Mến		Sử - Ái Nữ		GDCD - Ngọc		Nhạc - Nữ		Toán - Quyết	
4	1	Sử - Trinh		NNgữ - Ly		Toán - Mến		Lí - Tuyết		Sinh - Ly(CN)	
	2	MT - Quốc		Lí - Tuyết		CNghệ - Mến		GDCD - Ngọc		Địa - Thắm(Đ)	
	3	NNgữ - Ly		Sinh - Ly(CN)		NNgữ - My AV		Toán - Mến		Toán - Quyết	
	4	Văn - Ngân		Nhạc - Nữ		TC Tin - Tuyền		NNgữ - My AV		Toán - Quyết	
	5	Văn - Ngân		MT - Quốc		TC Tin - Tuyền		Văn - QuyênV		NNgữ - My AV	
5	1	Sinh - Liên		Sinh - Ly(CN)		Lí - Tuyết		NNgữ - My AV		Nhạc - Nữ	
	2	TC Tin - Tuyền		Hóa - Dung		NNgữ - My AV		Sử - Ái Nữ		Văn - QuyênV	
	3	TC Tin - Tuyền		Sử - Ái Nữ		NNgữ - My AV		Toán - Mến		Lí - Tuyết	
	4	GDCD - Ngọc		Văn - Hạnh(C)		Sử - Ái Nữ		Hóa - Dung		Sinh - Ly(CN)	
	5	Nhạc - Nữ		Văn - Hạnh(C)		Toán - Mến		Văn - QuyênV		Sử - Ái Nữ	
6	1	Toán - My		CNghệ - Mến		Sinh - Ly(CN)		Hóa - Dung		Văn - QuyênV	
	2	Toán - My		NNgữ - Ly		Hóa - Dung		Sinh - Ly(CN)		Văn - QuyênV	
	3	Văn - Ngân		Địa - Thắm(Đ)		Văn - Trâm		CNghệ - Mến		Hóa - Dung	
	4	CNghệ - Mến		Toán - My		MT - Quốc		Văn - QuyênV		Toán - Quyết	
	5	SHL - Trinh		SHL - My		SHL - Trâm		SHL - Ly(CN)		SHL - Quyết	
7	1	Địa - Thắm(Đ)		GDCD - Ngọc		Văn - Trâm		Toán - Mến		MT - Quốc	
	2	Hóa - Dung		CNghệ - Mến		Địa - Thắm(Đ)		Sinh - Ly(CN)		Sử - Ái Nữ	
	3	Sinh - Liên		Hóa - Dung		CNghệ - Mến		Địa - Thắm(Đ)		GDCD - Ngọc	
	4										
	5										

THCS Nguyễn Thiện Thuật
Năm học 2022 - 2023
Học kỳ 1

THỜI KHOÁ BIỂU

Số 5

Thực hiện từ ngày 05 tháng 12 năm 2022

THỨ	TIẾT	9.1 (Hòa)		9.2 (Hồng)		9.3 (Huy)		9.4 (Quyên)		9.5 (Vân)	
		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
2	1	ChCờ - Hòa		ChCờ - Hồng		ChCờ - Huy		ChCờ - Quyên		ChCờ - Vân	
	2	Hóa - Sương		GDCD - Tình		Toán - Huy		NNgữ - Quyên		NNgữ - Thảo	
	3	GDCD - Tình		Văn - Hồng		Hóa - Sương		NNgữ - Quyên		Toán - Vân	
	4	Toán - Hiếu		NNgữ - Quyên		GDCD - Tình		Nhạc - Ánh		Văn - Hạnh	
	5	Văn - Hòa		Hóa - Sương		Nhạc - Ánh		GDCD - Tình		Sinh - Trang	
3	1	Lí - Giang (L)		Văn - Hồng		Địa - Thủy(Đ)		Địa - Thắm		Toán - Vân	
	2	Sinh - Thúy(S)		Địa - Thủy(Đ)		Toán - Huy		Văn - Hồng		Toán - Vân	
	3	Toán - Hiếu		Toán - Hà		Sinh - Thúy(S)		TCCĐ - Thoa		Nhạc - Ánh	
	4	Địa - Thủy(Đ)		Nhạc - Ánh		TCCĐ - Tuyền		TCCĐ - Thoa		Địa - Thắm	
	5	Nhạc - Ánh		CNghệ - Dũng		TCCĐ - Tuyền		Toán - Hà		Văn - Hạnh	
4	1	TCCĐ - Oanh		NNgữ - Quyên		Văn - Bích		Sinh - Thúy(S)		Văn - Hạnh	
	2	TCCĐ - Oanh		NNgữ - Quyên		Văn - Bích		Hóa - Uyên(Q)		Văn - Hạnh	
	3	NNgữ - Giang		Văn - Hồng		NNgữ - Thúy(A)		Toán - Hà		Lí - Tuyến	
	4	Sinh - Thúy(S)		Văn - Hồng		NNgữ - Thúy(A)		Sử - Yến		NNgữ - Thảo	
	5	Văn - Hòa		Toán - Hà		Sử - Yến		Lí - Tuyến		Hóa - Uyên(Q)	
5	1	Hóa - Sương		Văn - Hồng		Văn - Bích		Toán - Hà		Lí - Tuyến	
	2	NNgữ - Giang		Hóa - Sương		Văn - Bích		Toán - Hà		TCCĐ - Vân	
	3	Toán - Hiếu		Sinh - Thúy(S)		Lí - Giang (L)		Lí - Tuyến		TCCĐ - Vân	
	4	Văn - Hòa		Toán - Hà		Hóa - Sương		Sinh - Thúy(S)		CNghệ - Dũng	
	5	Văn - Hòa		Toán - Hà		Toán - Huy		CNghệ - Dũng		GDCD - Tình	
6	1	Văn - Hòa		TCCĐ - Thanh		Lí - Giang (L)		Hóa - Uyên(Q)		NNgữ - Thảo	
	2	Toán - Hiếu		TCCĐ - Thanh		Sinh - Thúy(S)		Văn - Hồng		Địa - Thắm	
	3	NNgữ - Giang		Lí - Giang (L)		Toán - Huy		Văn - Hồng		Toán - Vân	
	4	Lí - Giang (L)		Sinh - Thúy(S)		Văn - Bích		NNgữ - Quyên		Hóa - Uyên(Q)	
	5	SHL - Hòa		SHL - Hồng		SHL - Huy		SHL - Quyên		SHL - Vân	
7	1	Sử - Yến		Địa - Thủy(Đ)		NNgữ - Thúy(A)		Văn - Hồng		Văn - Hạnh	
	2	Địa - Thủy(Đ)		Sử - Yến		CNghệ - Dũng		Văn - Hồng		Sinh - Trang	
	3	CNghệ - Dũng		Lí - Giang (L)		Địa - Thủy(Đ)		Địa - Thắm		Sử - Yến	
	4										
	5										

THCS Nguyễn Thiện Thuật
Năm học 2022 - 2023
Học kỳ 1

THỜI KHOÁ BIỂU

Số 5

Thực hiện từ ngày 05 tháng 12 năm 2022

THỨ	TIẾT	9.6 (Bích)		9.7 (Minh)		9.8 (Thảo)		9.9 (Giang)		9.10 (Hiếu)	
		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
2	1	ChCờ - Bích		ChCờ - Minh		ChCờ - Thảo		ChCờ - Giang		ChCờ - Hiếu	
	2	Văn - Bích		NNgữ - Giang		Toán - Vân		TCCĐ - VânTin		Văn - Hòa	
	3	Toán - Huy		Toán - Minh		Sinh - Trang		TCCĐ - VânTin		Văn - Hòa	
	4	Lí - Tuyến		Toán - Minh		NNgữ - Thảo		Văn - Trâm		CNghệ - Dũng	
	5	CNghệ - Dũng		Lí - Tuyến		Văn - Hạnh		Toán - Minh		Toán - Hiếu	
3	1	TCCĐ - Hùng		Lí - Tuyến		NNgữ - Thảo		Lí - Dũng		Hóa - VânH	
	2	TCCĐ - Hùng		Hóa - VânH		Địa - Thắm		CNghệ - Dũng		NNgữ - Thảo	
	3	Lí - Tuyến		TCCĐ - Quyết		Sử - Thi		Hóa - VânH		Lí - Dũng	
	4	Toán - Huy		TCCĐ - Quyết		Văn - Hạnh		Sử - Thi		Toán - Hiếu	
	5	Địa - Thắm		Sinh - Trang		TCCĐ - Hiếu		Văn - Trâm		Sử - Thi	
4	1	NNgữ - Thúy(A)		Toán - Minh		Hóa - VânH		GDCD - Tình		TCCĐ - Trang (T)	
	2	Sinh - Trang		Hóa - VânH		Lí - Dũng		Văn - Trâm		TCCĐ - Trang (T)	
	3	Hóa - Uyên(Q)		GDCD - Tình		Văn - Hạnh		Toán - Minh		Văn - Hòa	
	4	Văn - Bích		Văn - Trâm		Sinh - Trang		Lí - Dũng		Sinh - Ly(CN)	
	5	Văn - Bích		Văn - Trâm		CNghệ - Dũng		NNgữ - Giang		NNgữ - Thảo	
5	1	Toán - Huy		Toán - Minh		Lí - Dũng		NNgữ - Giang		Địa - Thắm	
	2	Địa - Thắm		Văn - Trâm		GDCD - Tình		Toán - Minh		Lí - Dũng	
	3	GDCD - Tình		NNgữ - Giang		Địa - Thắm		Văn - Trâm		Hóa - VânH	
	4	MT - Quốc		Sử - Yến		Toán - Vân		Hóa - VânH		GDCD - Tình	
	5	Sử - Yến		MT - Quốc		Hóa - VânH		Địa - Thắm		Toán - Hiếu	
6	1	Văn - Bích		Văn - Trâm		Toán - Vân		NNgữ - Giang		Địa - Thắm	
	2	Văn - Bích		Văn - Trâm		Toán - Vân		MT - Quốc		NNgữ - Thảo	
	3	Hóa - Uyên(Q)		Địa - Thắm		MT - Quốc		Sinh - Ly(CN)		Văn - Hòa	
	4	Toán - Huy		NNgữ - Giang		NNgữ - Thảo		Toán - Minh		Văn - Hòa	
	5	SHL - Bích		SHL - Minh		SHL - Thảo		SHL - Giang		SHL - Hiếu	
7	1	Sinh - Trang		CNghệ - Dũng		TCCĐ - Hiếu		Địa - Thắm		Sinh - Ly(CN)	
	2	NNgữ - Thúy(A)		Địa - Thắm		Văn - Hạnh		Văn - Trâm		Toán - Hiếu	
	3	NNgữ - Thúy(A)		Sinh - Trang		Văn - Hạnh		Sinh - Ly(CN)		MT - Quốc	
	4										
	5										